

Bản án số: 34/2017/HSST

Ngày: 03 - 5 - 2017

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Xuân Sơn

*Thẩm phán:* Bà Chu Thị Nguyễn Phin

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Tống Quốc Tuấn

Nghề nghiệp: Cán bộ hội cựu chiến binh tỉnh Lạng Sơn

2. Ông Hà Văn Hải

Nghề nghiệp: Cán bộ liên đoàn lao động tỉnh Lạng Sơn

3. Ông Triệu Hoàng Trung

Nghề nghiệp: Cán bộ sở xây dựng tỉnh Lạng Sơn

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:***  
Ông Đinh Việt Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 5 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 14/2017/HSST ngày 24 tháng 3 năm 2017 đối với các bị cáo:

**1. Nguyễn Thành C;** sinh ngày: 05/11/1985, tại Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Phường A, thành phố B, tỉnh Lạng Sơn; tạm trú: Đường C, phường D, thành phố B, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Không; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Nùng; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 11/12; con ông Nguyễn Đạt Đ (sinh năm 1960) và Triệu Thị T (sinh năm 1965); có vợ là Nguyễn Thị H (sinh năm 1989) và một con sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không có. Bị cáo bị bắt giam ngày 06/8/2015 – có mặt.

**2. Nguyễn Văn V;** sinh ngày: 05/12/1987, tại Hà Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn E, xã G, huyện H, tỉnh Hà Nam; chỗ ở: Thị trấn K, huyện K, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Không; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 11/12; con ông Nguyễn Thế N (sinh năm 1955)

và bà Đàm Thị C (sinh năm 1962); vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không có. Bị cáo bị bắt giam ngày 06/8/2015 – có mặt.

3. **Phạm Thanh H**; sinh ngày: 08/7/1992, tại Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Đường L, phường Đ, thành phố B, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 12/12; con ông Phạm Thành L (đã chết) và bà Lý Thị S (sinh năm 1962); vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không có. Bị cáo bị bắt giam ngày 06/8/2015 – có mặt.

4. **Vương Thị Thanh N**; sinh ngày: 21/11/1981, tại An Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Khóm Y, thị trấn K, huyện M, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Không; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Đạo Phật; trình độ văn hóa: 12/12; con ông Vương Phước H (sinh năm 1956) và bà Lê Thị L (sinh năm 1958); có chồng là Ngô Thanh H (đã chết); con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không có. Bị cáo bị bắt giam ngày 19/01/2016 – có mặt.

#### **Người bào chữa cho các bị cáo Vương Thị Thanh N:**

1- Ông Nguyễn Văn H – Luật sư Văn phòng Luật sư N và cộng sự thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội – có mặt.

2- Ông Huỳnh Quốc N – Luật sư Công ty luật K thuộc Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ – có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Thanh H: Ông Hoàng Văn L - Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Lạng Sơn – có mặt;

Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Thành C và Nguyễn Văn V: Bà Lê Thị L – Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Lạng Sơn – có mặt.

#### **NHẬN THẤY:**

Các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Hồi 22 giờ 30 phút ngày 06/8/2015 Tổ công tác Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y, tỉnh Lạng Sơn phát hiện bắt quả tang Nguyễn Thành C đang ngồi trong xe taxi đang dừng tại đường T thuộc khối 11, phường H, thành phố B và Nguyễn Văn V đang đứng cạnh xe, nghi là đang thực hiện hành vi phạm tội về ma túy. Kiểm tra bên trong chiếc túi xách C đang cầm trên tay có 01 túi nilon màu trắng bên trong có chứa tinh thể màu trắng, thu giữ trên người C 01 khẩu súng ngắn (loại súng cò), có một viên đạn trong ổ súng.

Trên cơ sở lời khai của Nguyễn Thành C và Nguyễn Văn V, Cơ quan cảnh sát điều tra đã tiến hành bắt và khám xét khẩn cấp đối với Phạm Thanh H tại phòng A2, khách sạn G, đường T, phường H, thành phố B, thu giữ trong túi quần H đang mặc 01 túi nilon màu trắng chứa 10 viên nén màu hồng và một số bột dạng tinh thể màu trắng; thu giữ trong chiếc xô tại phòng vệ sinh 01 túi nilon màu trắng bên trong chứa tinh thể màu trắng.

Khám xét khẩn cấp nơi ở và đồ vật của Phạm Thanh H thu giữ 01 túi nilon màu trắng bên trong có 01 túi nilon màu xanh đựng 190 viên nén hình tròn, trên mặt mỗi viên có chữ WY, trong đó 188 viên màu hồng và 02 viên màu xanh.

Khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Thành C thu giữ 01 túi nilon màu xanh bên trong có 48 viên nén màu hồng, trên mặt mỗi viên có chữ WY; 01 túi nilon màu trắng bên trong có 04 viên nén màu trắng trên mặt mỗi viên có chữ T; thu giữ trong chiếc gối trên giường có 09 viên đạn có chiều dài 2,5m; thu giữ trong tủ quần áo 01 cân điện tử màu đen trắng.

Qua điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra đã ra Quyết định khởi tố và bắt bị can Vương Thị Thanh N.

Tại Kết luận giám định số 163/PC54 ngày 09/8/2015 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn xác định:

Chất tinh thể màu trắng thu giữ khi bắt quả tang Nguyễn Thành C là chất ma túy Methamphetamine có trọng lượng 996,2 gam (đã trừ bì);

48 viên nén màu hồng thu giữ tại nơi ở của Nguyễn Thành C là chất ma túy Methamphetamine có trọng lượng 4,652 gam (đã trừ bì);

04 viên nén màu trắng thu giữ tại nơi ở của Nguyễn Thành C không tìm thấy chất ma túy thường gặp (Methamphetamine, Heroine), có trọng lượng 1,335 gam (đã trừ bì);

Chất tinh thể màu trắng thu giữ khi khám xét phòng nghỉ của Phạm Thanh H là chất ma túy Methamphetamine có trọng lượng 993,2 gam (đã trừ bì);

10 viên nén màu hồng và tinh thể màu trắng đựng trong một túi nilon màu trắng thu giữ của Phạm Thanh H là chất ma túy Methamphetamine có tổng trọng lượng 1,376 gam.

190 viên nén hình tròn, trong đó 188 viên màu hồng và 02 viên màu xanh thu giữ khi khám xét khẩn cấp nơi ở của Phạm Thanh H đều là chất ma túy Methamphetamine có tổng trọng lượng 18,281 gam (đã trừ bì).

Đối với khẩu súng và đạn thu giữ của Nguyễn Thành C, tại Kết luận giám định số 91/PC54 ngày 14/8/2015 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận:

+ Khẩu súng ngắn dạng côn ổ xoay gửi giám định là súng tự chế có tính năng tác dụng tương tự như vũ khí quân dụng. Hiện tại súng bị hỏng, bắn thực nghiệm không sử dụng được.

+ 10 viên đạn gửi giám định không phải là đạn vũ khí quân dụng; dùng khẩu súng trên bắn thực nghiệm 05 viên đạn lấy ngẫu nhiên trong 10 viên đạn gửi giám định thấy không nổ cả 05 viên.

Tại Cơ quan điều tra các bị cáo khai nhận:

Vương Thị Thanh N có quan hệ tình cảm và sống chung như vợ chồng với Nguyễn Thành C. Sau khi bàn bạc với nhau để đi sang Trung Quốc mua ma túy

về Việt Nam bán kiếm lời. Chiều ngày 06/8/2015 N đi xe máy từ nơi ở trọ lên cửa khẩu H chờ C ở đó, còn C trước khi đi đã đưa chìa khóa phòng ở trọ rồi bảo V đến lấy khẩu súng và ma túy đi cất giấu, V lại bảo H đến nhà C lấy ma túy rồi cất giấu ở nhà của H. C và N đi taxi xuất cảnh sang Trung Quốc gặp một người đàn ông Trung Quốc (quen mặt nhưng không rõ họ tên và địa chỉ), C nói cần mua 02 túi ma túy đá (tức 2kg ma túy tổng hợp) với giá 240 triệu đồng/kg nhưng chưa có tiền trả. Người bán đồng ý bán cho C vì có N đứng ra bảo đảm. C chia nhỏ ma túy thành nhiều túi giấu vào trong người rồi cùng N về V Nam. Cả hai thuê phòng khách sạn I, thị trấn K, huyện K, tỉnh Lạng Sơn, C dồn các túi ma túy nhỏ thành hai túi to như ban đầu rồi gọi Nguyễn Văn V, V lại gọi Phạm Thanh H đến để nhận 01 túi ma túy về cất giấu vào bụi cỏ cạnh đường đi vào nơi ở trọ của V tại thị trấn K, huyện K, tỉnh Lạng Sơn. Đối với túi ma túy còn lại, C gọi một xe taxi đến để gửi về thành phố B và gọi điện thoại cho V ra nhận ở khu vực ngã tư S. V dùng xe máy đèo H đi đến nơi hẹn thì gặp một người đàn ông đi xe máy đến giao, H nhận rồi cả hai quay trở về khi gần đến nơi ở của V thì H xuống xe để cất giấu túi đựng ma túy ở bụi cây ven đường rồi cả hai đi về chỗ ở của V.

C và N sau khi chuyển được hai túi ma túy cho đồng bọn cất giấu thì vào phòng A1 khách sạn G (do V đã đặt trước) để nghỉ, còn phòng A2 bên cạnh để cất giấu ma túy. C điện thoại bảo V chuẩn bị một túi ma túy để C mang đi bán. V chở H bằng xe máy đến nơi hẹn đoạn đường quốc lộ 1A gần nơi rẽ vào chỗ ở của V giao ma túy cho C, túi còn lại mang đến cất giấu tại khách sạn G. C mang túi ma túy đến nơi hẹn với một đối tượng tên T tại phòng trọ đường M, phường H, thành phố B để giao ma túy. Trong lúc chờ đợi đối tượng mua ma túy thì V mang khẩu súng côn đến đưa cho C, C nhận rồi giấu vào trong người. Vì đợi lâu không thấy T nên C bảo V gọi xe taxi đi về, khi C vừa lên xe thì cả hai bị bắt giữ.

Ngoài ra các bị cáo khai nhận: 48 viên nén màu hồng thu giữ tại nơi ở của Nguyễn Thành C là do C mua về sử dụng cho bản thân. Ngoài ra, trong khi C và N đang thực hiện hành vi mua bán hai túi ma túy trên thì Nguyễn Văn V đã đưa chìa khóa phòng ở của C cho H và bảo H đến lấy 200 viên ma túy mang về nhà của H cất giấu. Sau đó, H đã lấy 10 viên nén trong tổng số 200 viên mang theo người cho tới khi bị bắt giữ.

Tại bản cáo trạng số 18/VKS-P1 ngày 21 tháng 3 năm 2017 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thành C, Nguyễn Văn V, Phạm Thanh H và Vương Thị Thanh N về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999.

Bị cáo Nguyễn Thành C bị truy tố thêm về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" quy định tại điểm m khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999. Bị cáo Nguyễn Văn V, Phạm Thanh H bị truy tố thêm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận tội, cho rằng không oan.

Đại diện Viện kiểm sát sau khi phân tích làm rõ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật hình sự năm 1999, đồng thời áp dụng Nghị quyết số 109/QH/2015 và Bộ luật hình sự năm 2015 theo nguyên tắc có lợi cho các bị cáo. Vị công tố đề nghị xử phạt các bị cáo như sau:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành C tù chung thân về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và từ 5 đến 6 năm về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; tổng hợp buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là tù chung thân.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V 20 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và 02 đến 03 năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; tổng hợp buộc bị cáo phải chấp hành là 22 đến 23 năm tù.

- Xử phạt bị cáo Phạm Thanh H 20 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và 02 đến 03 năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; tổng hợp buộc bị cáo phải chấp hành là 22 đến 23 năm tù.

- Xử phạt bị cáo Vương Thị Thanh N 20 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

- Không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với các bị cáo.

- Tịch thu tiêu hủy các vật chứng.

- Tịch thu sung công quỹ các tài sản khác.

- Trả lại cho bị cáo giấy tờ tùy thân.

Luật sư bào chữa cho các bị cáo đều có chung ý kiến đề nghị áp dụng nguyên tắc có lợi cho các bị cáo theo nghị quyết 109/QH/2015 và Bộ luật hình sự năm 2015 để xử phạt các bị cáo dưới mức án mà vị công tố đề nghị.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác,

### **XÉT THẤY:**

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, cụ thể:

Ngày 06/8/2015 Nguyễn Thành C đã rủ Vương Thị Thanh N cùng nhau sang Trung Quốc để mua 02 túi ma túy Methamphetamine có tổng trọng lượng 1.989,4 gam với giá 240 triệu đồng/kg với một người đàn ông Trung Quốc (không rõ họ tên, địa chỉ). C chia nhỏ ma túy thành nhiều túi giấu vào trong người rồi cùng N về khách sạn I, thị trấn I, huyện K, tỉnh Lạng Sơn. Tại đây C lại dồn các túi nhỏ thành 02 túi ma túy to như ban đầu rồi gọi Nguyễn Văn V, V lại gọi Phạm Thanh H đến để nhận 01 túi ma túy với C rồi đem về cất giấu vào bụi cỏ cạnh đường gần nơi ở trọ của V. Đối với túi ma túy còn lại, Nguyễn Thành C gọi một xe taxi đến để gửi về thành phố B và gọi điện thoại cho Nguyễn Văn V ra nhận ở khu vực ngã tư S, phường K, thành phố B. V đi xe

máy chở Phạm Thanh H đến nhận ma túy rồi H đem giấu ở bụi cây ven đường gần nơi ở của V.

Theo ý kiến của Nguyễn Thành C, Nguyễn Văn V đặt trước hai phòng A1 và A2 tại khách sạn G tại phường H để Nguyễn Thành C cùng Vương Thị Thanh N nghỉ và để cất giấu ma túy. C bảo V chuẩn bị một túi ma túy để C mang đi bán. V chở H bằng xe máy đi lấy 01 túi ma túy giao cho C, túi còn lại mang đến cất giấu tại phòng A2 khách sạn G. Khi C đang chờ giao ma túy cho người mua thì bị bắt giữ.

Ngoài ra, trong khi Nguyễn Thành C và Vương Thị Thanh N đang thực hiện hành vi mua bán hai túi ma túy trên thì Nguyễn Văn V đã đưa chìa khóa phòng ở của Nguyễn Thành C cho Phạm Thanh H và bảo H đến lấy 200 viên ma túy mang về nhà của H cất giấu theo chỉ đạo của C. Sau đó, H đã lấy 10 viên nén là chất ma túy Methamphetamine có tổng trọng lượng 1,376 gam trong số 200 viên mang theo người cho tới khi bị bắt giữ. 190 viên nén còn lại thu giữ khi khám xét nơi ở của Phạm Thanh H.

Giám định các chất thu giữ được của các bị cáo kết luận:

- Chất tinh thể màu trắng thu giữ của Nguyễn Thành C là chất ma túy Methamphetamine có trọng lượng là 996,2 gam.

- 48 viên nén màu hồng thu giữ của Nguyễn Thành C là chất ma túy Methamphetamine có trọng lượng là 4,652 gam.

- 04 viên nén màu trắng thu giữ khi khám xét nơi ở của Nguyễn Thành C không tìm thấy chất ma túy thường gặp.

- Chất tinh thể màu trắng thu giữ khi khám xét tại phòng nghỉ của Phạm Thanh H (phòng A2 khách sạn G) là chất ma túy Methamphetamine có trọng lượng là 993,2 gam.

- 10 viên nén màu hồng và chất tinh thể màu trắng đựng trong một túi ni lon thu của Phạm Thanh H khi bắt khẩn cấp là chất ma túy Methamphetamine có trọng lượng là 1,376 gam (Trong đó có 0,964 gam dạng viên nén, 0,412 gam dạng tinh thể).

- 190 viên nén thu giữ khi khám xét nơi ở của Phạm Thanh H đều là chất ma túy Methamphetamine có trọng lượng là 18,281 gam.

Giám định hàm lượng ma túy các viên nén đều có hàm lượng Methamphetamine trung bình là 10,8%; 11,5%; 13,8%; 14%; chất ma túy dạng tinh thể màu trắng có hàm lượng Methamphetamine trung bình từ 64,0%; 67,2%; 67,6%.

Đối với khẩu súng và đạn thu giữ của Nguyễn Thành C, tại Kết luận giám định số 91/PC54 ngày 14/8/2015 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận:

+ Khẩu súng ngắn dạng côn ổ xoay gửi giám định là súng tự chế có tính năng tác dụng tương tự như vũ khí quân dụng. Hiện tại súng bị hỏng, bắn thực nghiệm không sử dụng được.

+ 10 viên đạn gửi giám định không phải là đạn vũ khí quân dụng; dùng khẩu súng trên bắn thực nghiệm 05 viên đạn lấy ngẫu nhiên trong 10 viên đạn gửi giám định thấy không nổ cả 05 viên.

Xét, có đủ căn cứ để kết luận các bị cáo Nguyễn Thành C và Vương Thị Thanh N là người trực tiếp sang Trung Quốc để lấy ma túy về bán kiếm lời, trong đó bị cáo C là người chủ mưu, rủ rê bị cáo N cùng đi mua ma túy, chỉ đạo bị cáo Phạm Thanh H, Nguyễn Văn V thực hiện các hành vi giúp sức cho mình. Bị cáo Vương Thị Thanh N, Nguyễn Văn V, Phạm Thanh H là người tích cực, chủ động thực hiện theo sự chỉ đạo của Nguyễn Thành C. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nguy hiểm cho xã hội nhưng vẫn cố tình thực hiện hành vi mua bán trái phép 1.989,4 gam chất ma túy Methamphetamine, tính theo khối lượng là 1.284,934 gam Methamphetamine nguyên chất. Do vậy, cáo trạng truy tố các bị cáo về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội, không oan.

Ngoài ra, trong khi Nguyễn Thành C và Vương Thị Thanh N đang thực hiện hành vi mua bán hai túi ma túy trên thì Nguyễn Văn V đã đưa chìa khóa phòng ở của Nguyễn Thành C cho Phạm Thanh H và bảo H đến lấy 200 viên ma túy mang về nhà của H cất giấu theo chỉ đạo của C. Sau đó, H đã lấy 10 viên nén là chất ma túy Methamphetamine có tổng trọng lượng 1,376 gam trong số 200 viên mang theo người cho tới khi bị bắt giữ. 190 viên nén còn lại thu giữ khi khám xét nơi ở của Phạm Thanh H đều là chất ma túy Methamphetamine có tổng trọng lượng 18,281 gam. Như vậy trong trường hợp này bị cáo Nguyễn Văn V, Phạm Thanh H là đồng phạm thực hiện tàng trữ trái phép 200 viên nén có trọng lượng 19,657 gam ma túy = 1,503 gam tinh chất với bị cáo Nguyễn Thành C. Bên cạnh đó, khi khám xét nơi ở của bị cáo Nguyễn Thành C còn thu giữ 48 viên nén màu hồng là chất ma túy Methamphetamine có trọng lượng 4,652 gam C mua về sử dụng cho bản thân. Do vậy bị cáo Nguyễn Thành C phải chịu trách nhiệm về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" đối với 24,309 gam ma túy = 13,149 gam tinh chất. Các bị cáo biết rõ hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện. Với khối lượng này thì chỉ có căn cứ để quy kết các bị cáo Nguyễn Thành C, Nguyễn Văn V, Phạm Thanh H phạm vào tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999. Do vậy, cáo trạng truy tố bị cáo Nguyễn Thành C về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm m khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự là không phù hợp.

Xét tính chất vụ án là đặc biệt nghiêm trọng, các bị cáo vì háo hức, lười lao động nhưng lại muốn thỏa mãn nhu cầu của bản thân nên đã bất chấp pháp luật thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến chế độ quản lý độc quyền của Nhà nước về chất ma

túy, đi ngược lại đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước trong việc đấu tranh phòng ngừa các tội phạm về ma túy, gây mất trật tự trị an xã hội; Vì vậy, cần phải xử phạt các bị cáo thật nghiêm để giáo dục chung và phòng ngừa riêng. Xong để có mức án thỏa đáng, ngoài việc xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, cần phải xem xét đến nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và vai trò đồng phạm đối với từng bị cáo.

Về nhân thân, các bị cáo đều là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; ngoài tình tiết định khung hình phạt các bị cáo không có tình tiết tăng nặng khác theo quy định của Điều 48 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Do vậy, các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999. Bị cáo Nguyễn Thành C có bố đẻ là ông Nguyễn Đạt Đ là người có công với cách mạng, được tặng thưởng Huân chương. Do vậy bị cáo Nguyễn Thành C được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999. Căn cứ theo nghị quyết số 109/QH/2015 thì cần áp dụng nguyên tắc có lợi cho các bị cáo theo điểm x khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015.

Trong vụ án này, bị cáo C là người chủ mưu, rủ rê bị cáo N cùng sang Trung Quốc để mua ma túy, bị cáo là người chia nhỏ ma túy giấu vào trong người để trót lọt qua cửa khẩu; là người chỉ đạo bị cáo H và V thực hiện các hành vi vận chuyển, cất giấu ma túy và là người trực tiếp đi bán ma túy. Do vậy khi quyết định hình phạt trong vụ án này cần xem xét xử phạt bị cáo chủ mưu mức hình phạt nặng hơn các bị cáo còn lại. Các bị cáo Nguyễn Văn V, Phạm Thanh H có vai trò đồng phạm ngang nhau, là những người tích cực thực hiện theo sự chỉ đạo của Nguyễn Thành C, thực hiện hành vi vận chuyển, cất giấu ma túy và còn tàng trữ một số lượng ma túy khác theo yêu cầu của bị cáo C. Đối với bị cáo Vương Thị Thanh N là người có sự thống nhất ý chí cao với bị cáo Nguyễn Thành C trong việc đi mua ma túy về bán kiếm lời, tuy nhiên bị cáo chưa có hành vi cụ thể nào tác động trực tiếp tới việc mua bán ma túy, hành vi của bị cáo chỉ dừng ở mức độ nhất định, bản thân bị cáo hiện có hoàn cảnh khó khăn, bố của bị cáo là thương binh nặng nên cần xem xét xử phạt bị cáo mức hình phạt nhẹ hơn các bị cáo khác.

Xét các bị cáo không có điều kiện về kinh tế nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về vật chứng: Xét thấy, đối với số lượng ma túy thu giữ là chất cấm lưu hành và các công cụ phục vụ cho hành vi phạm tội không còn giá trị sử dụng như cân điện tử, túi xách cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với các vật chứng là công cụ, phương tiện phục vụ cho hành vi phạm tội như điện thoại di động các bị cáo sử dụng để liên lạc, trao đổi thông tin về việc mua bán ma túy; xe máy thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn V là phương tiện



để chờ bị cáo Phạm Thanh H đi giao nhận ma túy còn giá trị sử dụng cần tịch thu hóa giá sung công quỹ Nhà nước.

Đối với vật chứng là giấy tờ tùy thân của bị cáo cần trả lại cho bị cáo.

Đối với khẩu súng côn và 10 viên đạn thu giữ của Nguyễn Thành C, qua giám định kết luận không phải là vũ khí quân dụng nên không xem xét xử lý hình sự, cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 04 viên nén màu trắng thu giữ khi khám xét nơi ở của Nguyễn Thành C qua giám định không tìm thấy chất ma túy thường gặp (Methamphetamine, Heroine) nên không xem xét xử lý, tang vật cần tịch thu tiêu hủy.

Ngoài ra trong vụ án còn có các đối tượng khác, các hành vi có dấu hiệu tội phạm khác nhưng cơ quan chức năng không có căn cứ điều tra xác minh làm rõ được nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Do bị kết án nên mỗi bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung Công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**I.** Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thành C, Nguyễn Văn V, Phạm Thanh H phạm các tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Bị cáo Vương Thị Thanh N phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

**1** - Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm e khoản 4 Điều 194; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33; Điều 34; Điều 50; Điều 53 của Bộ luật hình sự năm 1999 và Nghị quyết số 109/2015/QH13; điểm x khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành C 04 (bốn) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và tù chung thân về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt cho cả hai tội là tù chung thân. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam 06/8/2015.

**2** - Áp dụng khoản 1 Điều 194, điểm e khoản 4 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33; Điều 50; Điều 53 của Bộ luật hình sự năm 1999 và Nghị quyết số 109/2015/QH13; khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V 03 (ba) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và 20 (hai mươi) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt cho cả hai tội là 23 (hai mươi ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam 06/8/2015.

**3** - Áp dụng khoản 1 Điều 194, điểm e khoản 4 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33; Điều 50; Điều 53 của Bộ luật hình sự năm 1999 và Nghị quyết số 109/2015/QH13; khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Phạm Thanh H 02 (hai) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và 20 (hai mươi) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt cho cả hai tội là 22 (hai mươi hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam 06/8/2015.

4 - Áp dụng điểm e khoản 4 Điều 194; điểm p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 33; Điều 53 của Bộ luật hình sự năm 1999 và Nghị quyết số 109/2015/QH13; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Vương Thị Thanh N 19 (mười chín) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam 19/01/2016.

## **II. Xử lý vật chứng:**

Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự và điểm a, đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

### **1. Tịch thu tiêu hủy:**

+ 01 hộp niêm phong ký hiệu "1" có kích thước 28,5 cm x 24 cm x 7,5 cm (Theo kết luận giám định trong có 992,717 gam Methamphetamine).

+ 01 hộp niêm phong ký hiệu "3" có kích thước 28,5 cm x 24 cm x 7,5 cm (Theo kết luận giám định trong có 988,711 gam Methamphetamine).

+ 01 phong bì niêm phong, mặt trước phong bì có ký hiệu "5" và dòng chữ viết tay "Tang vật thu giữ khám xét nơi ở của Phạm Thanh H ngày 07/8/2015" (Theo kết luận giám định trong có 16,554 gam Methamphetamine dạng viên nén màu hồng và 0,089 gam Methamphetamine dạng viên nén màu xanh).

+ 01 phong bì niêm phong số 8148 của Viện khoa học hình sự - Tổng cục cảnh sát (Theo kết luận giám định trong có 0,381 gam các viên nén màu hồng và 0,163 gam tinh thể màu trắng chất ma túy Methamphetamine).

+ 01 phong bì niêm phong số 9178 của Viện khoa học hình sự - Tổng cục cảnh sát (Theo kết luận giám định trong có 3,435 gam Methamphetamine dạng viên nén màu hồng; 0,396 gam viên nén màu trắng và vỏ bao gói).

+ 01 cân điện tử màu đen – trắng, trên mặt có ghi chữ AMPUT.

+ 01 túi giả da có quai xách, bên ngoài có nhiều hoa văn.

### **2. Tịch thu hóa giá sung công quỹ Nhà nước:**

+ 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu ghi cũ, đã qua sử dụng có số IMEI 358548062728973.

+ 01 điện thoại di động OPPO màu trắng cũ, đã qua sử dụng có số IMEI 355684042456071.

+ 01 điện thoại di động Iphone 3 màu đen cũ, đã qua sử dụng có số IMEI 012158006535183.

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream mang biển kiểm soát 12F1 – 0988; số khung: C100M – 0365506; số máy: C100ME – 0365506.

**3. Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thành C** 01 Chứng minh nhân dân số 081019427 mang tên Nguyễn Thành C.

(Toàn bộ các tang vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/3/2017 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn với Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Lạng Sơn).

**III.** Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Thành C, Nguyễn Văn V, Phạm Thanh H, Vương Thị Thanh N mỗi người phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo. Báo cho các bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TANDCC tại HN;
- VKSNDCC tại HN;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- PC81B, PV27 CA tỉnh Lạng Sơn;
- Cục THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo, người bào chữa;
- Lưu HS, THS, HCTP, KTNV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Xuân Sơn**